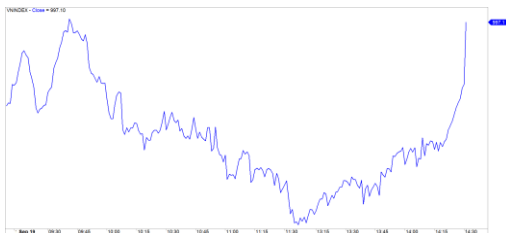


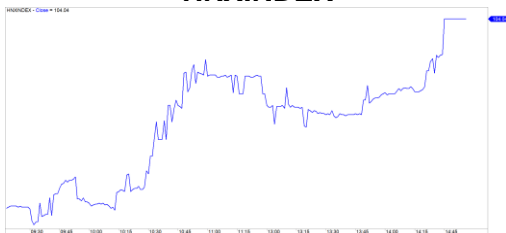
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	997.10	104.04	56.69
% ngày	0.20%	1.71%	0.50%
% tuần	2.15%	2.90%	0.51%
% tháng	1.64%	1.42%	-1.58%
% năm	0.16%	-8.90%	8.06%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,701	381	216
TB 1 tuần	4,247	384	259
TB 1 tháng	3,880	364	385
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	540.53	10.43	40.53
Bán	543.84	7.96	30.03
Giá trị ròng	-3.31	2.46	10.49
Độ rộng TT			
Mã Tăng	133	76	166
Mã Giảm	138	70	93
Không Đổi	115	222	641
Chỉ số chính			
P/E	16.77	9.08	18.88
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,368	188	987
LS Cổ tức	1.39%	4.40%	5.18%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Lực cầu bắt đáy kích hoạt trong phiên chiều giúp VN-Index đảo chiều thành công. Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng nhẹ 0.2% dừng tại 997.1 điểm. Tâm điểm hôm nay thuộc về sàn Hà Nội khi chỉ số HNX-Index tăng mạnh 1.71% đóng cửa tại 104.04 điểm trong khi Upcom-Index tăng 0.5% neo tại 56.69 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt hơn 3,300 tỷ đồng trên cả ba sàn.

Nhóm bluechip tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt đà hồi phục trên HSX, trọng tâm thuộc về nhóm Ngân hàng. STB(+3.4%), ACB(+3.1%), CTG(+2.2%), EIB(+2.1%), VPB(+1.7%), TCB(+1.5%) đều đồng loạt tăng giá. Nhóm Chứng khoán cũng giao dịch tích cực khi VCI(+4.2%), HCM(+1.3%), SSI(+0.7%). Ngoài ra, MWG(+2.6%), FPT(+2.5%) cũng có mức tăng khá tốt. Điểm trừ là độ rộng thị trường nghiêng về số giảm cho thấy sự phân hóa nhất định trong đà tăng. Bộ đôi ASM, IDI tiếp tục xung lực tăng mạnh khi tăng hết biên độ.

Sàn Hà Nội có phiên giao dịch thăng hoa nhờ ACB(+3.1%), DGC(+3%), MBS(+2%), SHB(+4.8%), SHS(+4.1%), VCS(+5.2%)

Khối ngoại mua ròng trong phiên với hơn 9 tỷ đồng trên cả ba sàn. HPG, DXG được mua ròng nhiều nhất lần lượt 30.6 tỷ và 25.6 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, E1VFN30 bị bán ròng nhiều nhất với 25 tỷ đồng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ biến động mạnh kèm thanh khoản tăng mạnh trong phiên giao dịch 20/09/2019 do ảnh hưởng từ hoạt động cơ cấu danh mục của hai quỹ ETF. Đồng thời, chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại mức 1,000 điểm, điểm tích cực là thị trường tiếp tục đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho thấy khả năng vượt mức 1,000 điểm của chỉ số VN-Index được chúng tôi đánh giá cao trong những phiên tới. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng mạnh cho thấy cơ hội giải ngân ngắn hạn tiếp tục gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 981.24 điểm của chỉ số VN-Index và 100.17 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 54% cổ phiếu/46% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	988	1,000	976	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	102.5	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.00	GIẢM	GIẢM		16.64				17.82		
ACB	23.10	TĂNG	GIẢM	22.70	21.69	1.76%			23.85		
ACV	77.00	TĂNG	GIẢM	75.80	71.94	1.58%			88.38		
ANV	24.70	GIẢM	GIẢM		25.51				27.58		
ASM	7.16	TĂNG	TĂNG	6.30	6.26	13.65%			6.85		
BFC	14.75	GIẢM	GIẢM		15.36				17.44		
BID	40.80	TĂNG	TĂNG	32.65	39.18	24.96%		33.40	34.67	22.16%	
BMP	53.00	TĂNG	TĂNG	51.80	49.75	2.32%		48.30	45.44	9.73%	
BSR	9.90	TĂNG	GIẢM	10.10	9.14	-1.98%			10.95		
BVH	73.70	GIẢM	GIẢM		75.13				83.30		
BWE	26.00	GIẢM	TĂNG		26.55			20.00	25.45	30.00%	
CEO	10.20	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-0.97%			11.12		
CII	20.60	GIẢM	GIẢM		21.17				22.62		
CMG	38.30	GIẢM	TĂNG		39.11			23.20	34.96	65.09%	
CMX	28.50	GIẢM	TĂNG		32.04			5.91	26.88	382.23%	
CSM	15.00	GIẢM	TĂNG		15.10			14.39	14.22	4.24%	
CTD	97.00	TĂNG	GIẢM	97.00	93.14	0.00%			107.77		
CTG	21.25	TĂNG	GIẢM	20.85	20.23	1.92%			21.90		
CTI	22.80	GIẢM	GIẢM		23.70				24.64		
CTR	45.80	TĂNG	N/A	46.50	38.51	-1.51%		-	N/A		
CVT	20.70	TĂNG	TĂNG	21.25	20.20	-2.59%		20.35	18.94	1.72%	
DCM	8.67	TĂNG	TĂNG	8.47	8.26	2.36%		8.54	7.92	1.52%	
DGC	27.80	TĂNG	GIẢM	27.80	27.60	0.00%	MUA		31.42		
DGW	24.00	GIẢM	TĂNG		24.24			23.50	21.45	2.13%	
DHA	30.80	GIẢM	GIẢM		33.45			29.10	32.95	13.21%	BÁN
DHC	34.75	TĂNG	GIẢM	33.00	31.72	5.30%			35.33		
DHG	91.00	GIẢM	GIẢM		93.71				102.97		
DIG	14.05	TĂNG	TĂNG	14.25	13.48	-1.40%		13.90	12.65	1.08%	
DPG	43.00	GIẢM	GIẢM		46.36				51.92		
DPM	13.15	GIẢM	GIẢM		13.50				15.07		
DPR	37.70	GIẢM	GIẢM		39.54				45.50		
DQC	18.00	GIẢM	GIẢM		18.95				20.27		
DRC	23.70	TĂNG	TĂNG	22.80	22.34	3.95%		21.60	19.76	9.72%	
DXG	17.40	TĂNG	TĂNG	16.15	16.17	7.74%		15.50	12.67	12.26%	



We Create Fortune

EIB	16.80	GIẢM	GIẢM		17.27			14.70	16.88	14.83%	BÁN
FCN	12.05	GIẢM	GIẢM		12.49				13.36		
FMC	27.00	GIẢM	TĂNG		28.17			31.60	26.18	-14.56%	
FPT	57.80	TĂNG	TĂNG	45.20	55.16	27.88%		46.00	48.93	25.65%	
GAS	103.80	TĂNG	GIẢM	105.20	101.15	-1.33%			109.55		
GEX	22.45	TĂNG	TĂNG	22.20	21.94	1.13%		20.20	19.13	11.14%	
GIL	20.80	GIẢM	GIẢM		22.06				24.76		
GMD	27.30	GIẢM	TĂNG		27.92			28.50	26.02	-4.21%	
GTN	19.30	GIẢM	TĂNG		19.96			15.00	16.84	28.67%	
GVR	13.90	GIẢM	N/A		14.67				N/A		
HAG	4.52	GIẢM	GIẢM		4.73				5.39		
HAX	19.45	GIẢM	TĂNG		20.27			15.75	17.40	23.49%	
HBC	14.35	TĂNG	GIẢM	13.70	13.53	4.74%			15.30		
HCM	23.60	TĂNG	TĂNG	22.15	22.04	6.55%			23.15		
HDB	26.35	TĂNG	GIẢM	26.30	25.27	0.19%			27.74		
HDC	21.80	TĂNG	TĂNG	22.15	20.33	-1.58%		15.25	18.89	42.95%	
HDG	34.60	GIẢM	TĂNG		35.37			35.30	32.61	-1.98%	
HNG	16.50	GIẢM	GIẢM		17.21			17.10	16.59	-2.97%	BÁN
HPG	22.95	TĂNG	GIẢM	22.55	21.92	1.77%			23.96		
HSG	6.49	GIẢM	GIẢM		6.78				7.68		
HT1	15.60	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70		
HUT	2.20	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-8.33%			2.83		
HVN	33.90	GIẢM	GIẢM		34.28				39.71		
KBC	15.30	GIẢM	TĂNG	16.00	15.39	-3.81%	BÁN	15.35	14.37	-0.33%	
KDH	25.40	TĂNG	TĂNG	22.90	24.95	10.92%		24.00	22.19	5.83%	
KSB	22.30	GIẢM	TĂNG		23.22			23.90	21.11	-6.69%	
LCG	9.30	TĂNG	GIẢM	9.60	9.10	-3.12%			10.55		
LDG	10.15	TĂNG	TĂNG	8.18	9.73	24.08%		9.89	8.02	2.63%	
LHG	17.00	GIẢM	GIẢM		18.04			19.30	17.32	-10.26%	
LPB	7.70	GIẢM	GIẢM		7.76				8.33		
LSS	5.08	GIẢM	GIẢM		5.32				5.78		
MBB	22.00	TĂNG	TĂNG	22.20	21.24	-0.90%		21.85	21.21	0.69%	
MPC	27.00	GIẢM	GIẢM		28.59				35.00		
MSN	80.20	TĂNG	GIẢM	78.00	76.96	2.82%			81.93		
MSR	18.20	TĂNG	GIẢM	17.60	17.41	3.41%			18.90		
MWG	125.20	TĂNG	TĂNG	122.40	118.23	2.29%		88.70	108.74	41.15%	
NDN	17.00	GIẢM	TĂNG		17.62			13.70	16.27	24.09%	
NKG	5.73	GIẢM	GIẢM		5.98				6.85		
NLG	28.40	GIẢM	TĂNG		29.07			28.70	26.73	-1.05%	



We Create Fortune

NT2	24.45	GIẢM	GIẢM		25.19				26.43		
NTL	23.00	GIẢM	GIẢM		23.61				27.16		
NVL	63.20	TĂNG	TĂNG	64.00	61.40	-1.25%			62.33		
OIL	11.20	GIẢM	GIẢM		11.50				12.38		
PAC	28.40	GIẢM	GIẢM		28.68				31.56		
PC1	21.00	TĂNG	TĂNG	17.45	20.08	20.34%		21.10	16.28	-0.47%	MUA
PDR	26.45	GIẢM	TĂNG		26.78			29.00	25.01	-8.79%	
PHR	55.50	GIẢM	GIẢM		59.08				73.93		
PLX	61.10	TĂNG	TĂNG	62.60	60.73	-2.40%		62.40	59.59	-2.08%	
PNJ	82.70	TĂNG	TĂNG	82.70	82.61	0.00%	MUA	104.00	78.69	-20.48%	
POW	12.70	GIẢM	GIẢM		12.78				14.42		
PVT	17.75	TĂNG	TĂNG	18.20	17.27	-2.47%		18.30	16.28	-3.01%	
PPC	24.60	GIẢM	GIẢM		26.14				29.10		
PTB	68.50	GIẢM	TĂNG		71.13			64.00	64.57	7.03%	
PVB	20.90	GIẢM	TĂNG		21.29			20.10	19.27	3.98%	
PVD	18.10	TĂNG	TĂNG	18.50	17.29	-2.16%		18.10	15.86	0.00%	
PVI	33.00	GIẢM	GIẢM		34.79				38.65		
PVS	20.30	TĂNG	GIẢM	20.70	19.05	-1.93%			23.52		
PXS	4.90	GIẢM	GIẢM		5.38				6.13		
QNS	30.20	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-3.21%		33.80	27.77	-10.65%	
REE	37.20	TĂNG	TĂNG	37.15	35.57	0.13%		33.33	33.81	11.63%	
SAB	265.10	GIẢM	TĂNG		270.34			245.00	257.56	8.20%	
SAM	7.85	TĂNG	TĂNG	7.99	7.67	-1.75%		7.40	7.69	6.08%	
SCR	6.71	TĂNG	GIẢM	6.70	6.53	0.15%			7.11		
SHI	9.48	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	12.99%		6.99	8.30	35.62%	
SJS	16.75	GIẢM	GIẢM		17.78			-	19.89		
SKG	11.20	GIẢM	GIẢM		11.49				12.40		
SSI	21.75	TĂNG	GIẢM	21.65	20.91	0.46%			23.58		
STB	10.55	TĂNG	GIẢM	10.55	10.40	0.00%	MUA		11.17		
TCB	22.95	TĂNG	TĂNG	22.65	21.78	1.32%		22.65	22.22	1.32%	MUA
TCM	21.60	GIẢM	GIẢM		22.72				26.03		
TDH	10.95	TĂNG	TĂNG	9.40	10.38	16.49%		10.15	9.06	7.88%	
TLH	4.54	GIẢM	GIẢM		4.77				5.13		
TNG	17.90	GIẢM	GIẢM		18.87				20.94		
VCB	81.50	TĂNG	TĂNG	80.00	78.66	1.88%		62.00	73.39	31.45%	
VCG	26.60	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-1.48%		19.20	24.08	38.54%	
VCS	97.00	TĂNG	TĂNG	87.80	87.71	10.48%		68.00	78.29	42.65%	
VGC	19.85	TĂNG	GIẢM	19.25	19.11	3.12%			20.53		
VGT	8.70	TĂNG	GIẢM	8.90	8.49	-2.25%			9.90		

We Create Fortune

VHC	80.00	TĂNG	GIẢM	80.80	75.84	-0.99%			87.89		
VHM	90.30	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	3.44%		90.20	79.23	0.11%	
VIB	17.30	GIẢM	TĂNG		17.87			17.70	16.40	-2.26%	
VIC	121.50	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-3.65%		112.00	113.76	8.48%	
VIP	5.08	GIẢM	GIẢM		5.14			5.48			
VJC	139.50	TĂNG	TĂNG	134.50	136.62	3.72%		124.50	124.16	12.05%	
VND	14.00	TĂNG	GIẢM	14.10	13.52	-0.71%			15.06		
VNG	21.00	TĂNG	TĂNG	19.10	20.56	9.95%		20.20	18.89	3.96%	
VNM	123.60	TĂNG	GIẢM	124.00	119.29	-0.32%			130.37		
VPB	21.45	TĂNG	TĂNG	19.10	20.02	12.30%		20.30	18.32	5.67%	
VPI	41.30	TĂNG	TĂNG	42.20	40.45	-2.13%		41.30	39.27	0.00%	
VRC	16.00	TĂNG	GIẢM	15.30	15.42	4.58%			16.26		
VRE	34.10	GIẢM	TĂNG		34.85			35.00	33.61	-2.57%	
VSC	28.20	GIẢM	GIẢM		29.62				31.41		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.10	TĂNG	GIẢM	22.70	21.69	1.76%			23.85		
BID	40.80	TĂNG	TĂNG	32.65	39.18	24.96%		33.40	34.67	22.16%	
BSR	9.90	TĂNG	GIẢM	10.10	9.14	-1.98%			10.95		
BVH	73.70	GIẢM	GIẢM		75.13				83.30		
CTG	21.25	TĂNG	GIẢM	20.85	20.23	1.92%			21.90		
EIB	16.80	GIẢM	GIẢM		17.27			14.70	16.88	14.83%	BÁN
FPT	57.80	TĂNG	TĂNG	45.20	55.16	27.88%		41.00	48.93	40.99%	
GAS	103.80	TĂNG	GIẢM	105.20	101.15	-1.33%			109.55		
HDB	26.35	TĂNG	GIẢM	26.30	25.27	0.19%			27.74		
HNG	16.50	GIẢM	GIẢM		17.21			17.10	16.59	-2.97%	BÁN
HPG	22.95	TĂNG	GIẢM	22.55	21.92	1.77%			23.96		
HVN	33.90	GIẢM	GIẢM		34.28				39.71		
KDH	25.40	TĂNG	TĂNG	22.90	24.95	10.92%		24.00	22.19	5.83%	
MBB	22.00	TĂNG	TĂNG	22.20	21.24	-0.90%		21.27	21.21	3.43%	
MSN	80.20	TĂNG	GIẢM	78.00	76.96	2.82%			81.93		
MWG	125.20	TĂNG	TĂNG	122.40	118.23	2.29%		88.70	108.74	41.15%	
NVL	63.20	TĂNG	TĂNG	64.00	61.40	-1.25%			62.33		
OIL	11.20	GIẢM	GIẢM		11.50				12.38		
PLX	61.10	TĂNG	TĂNG	62.60	60.73	-2.40%		59.97	59.59	1.88%	

We Create Fortune

PNJ	82.70	TĂNG	TĂNG	82.70	82.61	0.00%	MUA	77.88	78.69	6.19%	
POW	12.70	GIẢM	GIẢM		12.78				14.42		
PVS	20.30	TĂNG	GIẢM	20.70	19.05	-1.93%			23.52		
QNS	30.20	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-3.21%		33.80	27.77	-10.65%	
REE	37.20	TĂNG	TĂNG	37.15	35.57	0.13%		33.33	33.81	11.63%	
ROS	26.80	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-2.55%			29.25		
SSI	21.75	TĂNG	GIẢM	21.65	20.91	0.46%			23.58		
STB	10.55	TĂNG	GIẢM	10.55	10.40	0.00%	MUA		11.17		
TCB	22.95	TĂNG	TĂNG	22.65	21.78	1.32%		22.65	22.22	1.32%	MUA
TPB	22.70	TĂNG	GIẢM	22.70	22.67	0.00%	MUA		N/A		
VCB	81.50	TĂNG	TĂNG	80.00	78.66	1.88%		62.00	73.39	31.45%	
VCG	26.60	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-1.48%		18.44	24.08	44.24%	
VEA	55.20	TĂNG	GIẢM	55.20	54.93	0.00%	MUA		N/A		
VGI	31.80	GIẢM	GIẢM		33.18				N/A		
VHM	90.30	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	3.44%		90.20	79.23	0.11%	
VIB	17.30	GIẢM	TĂNG		17.87			17.70	16.40	-2.26%	
VIC	121.50	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-3.65%		112.00	113.76	8.48%	
VJC	139.50	TĂNG	TĂNG	134.50	136.62	3.72%		124.50	124.16	12.05%	
VNM	123.60	TĂNG	GIẢM	124.00	119.29	-0.32%			130.37		
VPB	21.45	TĂNG	TĂNG	19.10	20.02	12.30%		20.30	18.32	5.67%	
VRE	34.10	GIẢM	TĂNG		34.85			34.00	33.61	0.31%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.00	GIẢM	GIẢM		16.64				17.82		
ANV	24.70	GIẢM	GIẢM		25.51				27.58		
ASM	7.16	TĂNG	TĂNG	6.30	6.26	13.65%			6.85		
BMP	53.00	TĂNG	TĂNG	51.80	49.75	2.32%		48.30	45.44	9.73%	
BWE	26.00	GIẢM	TĂNG		26.55			19.44	25.45	33.74%	
C4G	7.00	GIẢM	GIẢM		7.32				9.13		
CEO	10.20	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-0.97%			11.12		
CII	20.60	GIẢM	GIẢM		21.17				22.62		
CRE	24.70	TĂNG	GIẢM	25.40	24.63	-2.76%			26.06		
CTI	22.80	GIẢM	GIẢM		23.70				24.64		
CTR	45.80	TĂNG	#N/A	46.50	38.51	-1.51%		-	#N/A		
DCM	8.67	TĂNG	TĂNG	8.47	8.26	2.36%		8.54	7.92	1.52%	

We Create Fortune

DHC	34.75	TĂNG	GIẢM	33.00	31.72	5.30%			35.33		
DIG	14.05	TĂNG	TĂNG	14.25	13.48	-1.40%		13.90	12.65	1.08%	
DPM	13.15	GIẢM	GIẢM		13.50				15.07		
DRC	23.70	TĂNG	TĂNG	22.80	22.34	3.95%		21.60	19.76	9.72%	
DXG	17.40	TĂNG	TĂNG	16.15	16.17	7.74%		15.50	12.67	12.26%	
E1VFN30	15.21	TĂNG	TĂNG	14.62	14.88	4.04%			15.16		
FCN	12.05	GIẢM	GIẢM		12.49				13.36		
FLC	3.63	GIẢM	GIẢM		3.74				4.14		
FTM	3.98	GIẢM	GIẢM		5.40				12.94		
GEG	28.00	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	22.81%		12.90	23.98	117.05%	
GEX	22.45	TĂNG	TĂNG	22.20	21.94	1.13%		20.20	19.13	11.14%	
GMD	27.30	GIẢM	TĂNG		27.92			28.50	26.02	-4.21%	
GTN	19.30	GIẢM	TĂNG		19.96			15.00	16.84	28.67%	
GVR	13.90	GIẢM	#N/A		14.67			-	#N/A		
HAG	4.52	GIẢM	GIẢM		4.73				5.39		
HBC	14.35	TĂNG	GIẢM	13.70	13.53	4.74%			15.30		
HCM	23.60	TĂNG	TĂNG	22.15	22.04	6.55%			23.15		
HDG	34.60	GIẢM	TĂNG		35.37			35.30	32.61	-1.98%	
HPX	26.35	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.94%		-	#N/A		
HSG	6.49	GIẢM	GIẢM		6.78				7.68		
HT1	15.60	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70		
IBC	20.10	GIẢM	GIẢM		20.59			24.90	20.15	-19.10%	
IDI	7.23	TĂNG	TĂNG	6.34	6.24	14.04%			6.98		
IJC	15.00	TĂNG	TĂNG	15.70	14.47	-4.46%		13.10	13.12	14.50%	
ITA	3.09	GIẢM	TĂNG		3.37			3.20	2.96	-3.44%	
KBC	15.30	GIẢM	TĂNG	16.00	15.39	-3.81%	BÁN	15.35	14.37	-0.33%	
KSB	22.30	GIẢM	TĂNG		23.22			23.90	21.11	-6.69%	
LDG	10.15	TĂNG	TĂNG	8.18	9.73	24.08%		9.89	8.02	2.63%	
LPB	7.70	GIẢM	GIẢM		7.76				8.33		
MBS	15.30	GIẢM	TĂNG		15.67			16.00	14.25	-4.38%	
MPC	27.00	GIẢM	GIẢM		28.59				35.00		
NBB	20.85	TĂNG	TĂNG	20.85	20.30	0.00%	MUA	21.50	19.30	-3.02%	BÁN
NKG	5.73	GIẢM	GIẢM		5.98				6.85		
NLG	28.40	GIẢM	TĂNG		29.07			28.70	26.73	-1.05%	
NT2	24.45	GIẢM	GIẢM		25.19				26.43		
NTC	159.20	GIẢM	GIẢM		168.71			120.00	162.94	35.79%	
NTL	23.00	GIẢM	GIẢM		23.61				27.16		
NVB	7.50	TĂNG	GIẢM	7.60	7.09	-1.32%			8.10		

We Create Fortune

OGC	4.04	TĂNG	GIẢM	4.04	3.96	0.00%	MUA		4.40		
PC1	21.00	TĂNG	TĂNG	17.45	20.08	20.34%		19.30	16.28	8.81%	
PDR	26.45	GIẢM	TĂNG		26.78			23.60	25.01	12.10%	
PHR	55.50	GIẢM	GIẢM		59.08				73.93		
PPC	24.60	GIẢM	GIẢM		26.14				29.10		
PTB	68.50	GIẢM	TĂNG		71.13			60.78	64.57	12.70%	
PVD	18.10	TĂNG	TĂNG	18.50	17.29	-2.16%		18.10	15.86	0.00%	
PVI	33.00	GIẢM	GIẢM		34.79				38.65		
PVT	17.75	TĂNG	TĂNG	18.20	17.27	-2.47%		18.30	16.28	-3.01%	
QCG	4.74	GIẢM	GIẢM		4.86				5.28		
SAM	7.85	TĂNG	TĂNG	7.99	7.67	-1.75%		7.40	7.69	6.08%	
SBT	17.85	TĂNG	TĂNG	16.50	17.34	8.18%		17.50	17.18	2.00%	MUA
SCR	6.71	TĂNG	GIẢM	6.70	6.53	0.15%			7.11		
SHB	6.60	TĂNG	GIẢM	6.60	6.45	0.00%	MUA		6.86		
SHS	7.60	TĂNG	GIẢM	7.40	6.72	2.70%			8.74		
SJS	16.75	GIẢM	GIẢM		17.78				19.89		
STK	20.60	TĂNG	GIẢM	22.10	20.48	-6.79%			24.36		
SZC	19.60	GIẢM	#N/A		19.76			-	#N/A		
TCH	24.50	TĂNG	TĂNG	22.05	22.68	11.11%		22.50	20.22	8.89%	
TCM	21.60	GIẢM	GIẢM		22.72				26.03		
TNG	17.90	GIẢM	GIẢM		18.87				20.94		
TTB	23.70	GIẢM	TĂNG		24.12			24.50	22.71	-3.27%	
VCI	34.50	TĂNG	TĂNG	34.50	34.13	0.00%	MUA	36.00	30.78	-4.17%	
VGT	8.70	TĂNG	GIẢM	8.90	8.49	-2.25%			9.90		
VHC	80.00	TĂNG	GIẢM	80.80	75.84	-0.99%			87.89		
VND	14.00	TĂNG	GIẢM	14.10	13.52	-0.71%			15.06		
VNG	21.00	TĂNG	TĂNG	19.10	20.56	9.95%		20.20	18.89	3.96%	
VPI	41.30	TĂNG	TĂNG	42.20	40.45	-2.13%		41.30	39.27	0.00%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.10	GIẢM	#N/A		10.77			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.59	GIẢM	TĂNG		4.86			3.99	4.34	15.04%	
AMD	1.55	GIẢM	GIẢM		1.62				1.83		
APG	9.45	TĂNG	TĂNG	9.19	8.81	2.83%		9.90	7.90	-4.55%	
ART	1.70	GIẢM	GIẢM		1.99				2.51		



We Create Fortune

BCC	7.70	GIẢM	GIẢM		7.87				8.78		
BCG	8.52	TĂNG	TĂNG	5.82	7.56	46.39%		6.39	6.81	33.33%	
C69	27.20	TĂNG	TĂNG	18.30	23.71	48.63%		5.30	15.71	413.21%	
CCL	10.35	TĂNG	TĂNG	6.38	9.24	62.23%		3.46	7.55	199.13%	
CRC	16.20	GIẢM	TĂNG		17.65			18.90	15.04	-14.29%	
CVT	20.70	TĂNG	TĂNG	21.25	20.20	-2.59%		20.35	18.94	1.72%	
DAG	6.64	GIẢM	TĂNG		6.93			7.09	6.22	-6.35%	
DAH	9.80	GIẢM	GIẢM		10.78				12.52		
DGW	24.00	GIẢM	TĂNG		24.24			23.50	21.45	2.13%	
DLG	1.57	TĂNG	GIẢM	1.61	1.52	-2.48%			1.65		
DRH	7.60	GIẢM	GIẢM		7.69				7.76		
DTD	14.90	GIẢM	TĂNG		16.12			12.90	14.20	15.50%	
EVG	2.61	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-6.79%			3.02		
FIT	3.49	TĂNG	TĂNG	3.59	3.34	-2.79%		3.64	3.03	-4.12%	
GKM	14.90	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	-0.67%			15.54		
HAH	14.70	GIẢM	TĂNG		15.66			13.00	13.89	13.08%	
HAI	1.61	GIẢM	GIẢM		1.69				1.92		
HAP	3.37	GIẢM	TĂNG		3.42			3.67	3.25	-8.17%	
HAR	3.72	TĂNG	GIẢM	3.56	3.50	4.49%			3.88		
HCD	3.40	GIẢM	GIẢM		3.55				4.02		
HDA	11.20	TĂNG	GIẢM	11.20	10.66	0.00%			12.19		
HDC	21.80	TĂNG	TĂNG	22.15	20.33	-1.58%		15.25	18.89	42.95%	
HHP	11.50	GIẢM	GIẢM		12.11				13.73		
HHS	3.15	TĂNG	GIẢM	3.04	2.87	3.62%			3.24		
HII	11.35	GIẢM	GIẢM		11.58				12.29		
HQC	1.23	GIẢM	GIẢM		1.28				1.44		
HSL	8.04	GIẢM	GIẢM		9.76			9.84	9.33	-5.21%	MUA
HUT	2.20	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-8.33%			2.83		
HVG	2.90	GIẢM	GIẢM		3.09				3.75		
HVH	20.35	GIẢM	#N/A		21.46				#N/A		
JVC	3.09	TĂNG	TĂNG	2.76	2.96	11.96%		3.10	2.68	-0.32%	
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.37				1.49		
KMR	2.57	GIẢM	GIẢM		2.66				3.03		
LCG	9.30	TĂNG	GIẢM	9.60	9.10	-3.12%			10.55		
LGL	11.25	TĂNG	TĂNG	10.90	10.52	3.21%		7.11	9.25	58.16%	
LHG	17.00	GIẢM	GIẢM		18.04			19.30	17.32	-10.26%	
LMH	16.40	GIẢM	#N/A		16.97			-	#N/A		
MST	3.10	TĂNG	GIẢM	2.80	2.88	10.71%			3.16		
NDN	17.00	GIẢM	TĂNG		17.62			13.10	16.27	29.73%	



We Create Fortune

PHC	13.30	TĂNG	GIẢM	13.25	12.32	0.38%			13.48		
PVB	20.90	GIẢM	TĂNG		21.29			20.10	19.27	3.98%	
PVC	7.30	TĂNG	TĂNG	7.30	7.28	0.00%	MUA	7.10	6.67	2.82%	
PXL	5.30	GIẢM	GIẢM		5.88				6.65		
PXS	4.90	GIẢM	GIẢM		5.38				6.13		
QBS	3.11	GIẢM	GIẢM		3.20				3.36		
SFG	6.95	GIẢM	GIẢM		7.51				10.40		
SHI	9.48	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	12.99%		6.23	8.30	52.10%	
SJF	2.55	GIẢM	GIẢM		2.56				3.54		
SKG	11.20	GIẢM	GIẢM		11.49				12.40		
TDH	10.95	TĂNG	TĂNG	9.40	10.38	16.49%		10.15	9.06	7.88%	
TIG	3.30	TĂNG	TĂNG	3.40	3.02	-2.94%		3.20	3.03	3.12%	
TLD	4.87	GIẢM	GIẢM		6.00			5.99	4.95	-17.39%	
TLH	4.54	GIẢM	GIẢM		4.77				5.13		
TNI	10.05	GIẢM	GIẢM		10.34				11.60		
TTF	2.86	TĂNG	GIẢM	3.00	2.84	-4.67%			3.48		
TTH	2.90	GIẢM	GIẢM		3.17				3.39		
TVB	16.40	GIẢM	GIẢM		17.32				18.55		
TVC	15.90	GIẢM	TĂNG		16.83			14.30	14.38	11.19%	
VC3	23.20	TĂNG	TĂNG	23.20	22.97	0.00%	MUA	22.00	21.35	5.45%	
VCR	22.00	GIẢM	GIẢM		24.75				25.98		
VNE	3.43	TĂNG	GIẢM	3.35	3.25	2.39%			3.70		
VPG	22.60	TĂNG	TĂNG	21.40	22.06	5.61%		20.46	19.34	10.48%	
VRC	16.00	TĂNG	GIẢM	15.40	15.42	3.90%			16.26		
YBM	8.67	TĂNG	GIẢM	8.56	8.25	1.29%			11.67		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	997.1	0.20%
VN30	918.88	0.59%
VN Mid	980.87	0.09%
VN Small	810.35	0.25%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	104.04	1.71%
HN30	190.31	1.85%
VNX AllSh	885.58	0.39%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.69	0.50%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	540.53	
Bán	543.84	
GT ròng	-3.31	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	10.43	
Bán	7.96	
GT ròng	2.46	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	40.53	
Bán	30.03	
GT ròng	10.49	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
IDI	470	6.95%
NBB	1350	6.92%
ASM	460	6.87%
BCG	540	6.77%
OGC	200	5.21%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCS	4800	5.21%
SHB	300	4.76%
SHS	300	4.11%
ACB	700	3.13%
DGC	800	2.96%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VEA	1200	2.22%
NHH	700	2.04%
SDI	1200	1.80%
EVF	100	1.43%
LPB	100	1.32%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-3900	-6.07%
PGD	-1000	-3.03%
DPG	-1250	-2.82%
HNG	-450	-2.65%
SZL	-1200	-2.37%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	-100	-4.35%
TAR	-900	-3.09%
TVC	-300	-1.85%
VCR	-400	-1.79%
CEO	-100	-0.97%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SIP	-6400	-5.90%
MSR	-1000	-5.21%
BSR	-200	-1.98%
OIL	-200	-1.75%
NTC	-2100	-1.30%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	406,531	
VHM	302,461	
VCB	302,274	
VNM	215,234	
GAS	198,668	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,452	
VCS	15,210	
VCG	11,750	
PVS	9,703	
SHB	7,941	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	168,428	
VGI	96,239	
VEA	72,988	
GVR	55,404	
MCH	52,099	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	19,132,530	20,915,076
SBT	11,933,450	1,892,917
STB	8,165,240	3,098,593
DIG	7,531,300	1,338,510
NLG	6,687,737	1,074,147

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	5,689,809	4,241,915
ACB	3,466,735	1,886,449
PVS	1,560,452	2,680,037
MBS	1,242,500	171,264
VIX	961,300	448,253

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
EVF	5,047,035	1,324,176
BSR	2,412,270	1,657,905
PXL	868,715	743,249
VEA	764,766	368,178
VBB	531,800	76,983

Nguồn: Bloomberg & YSVN

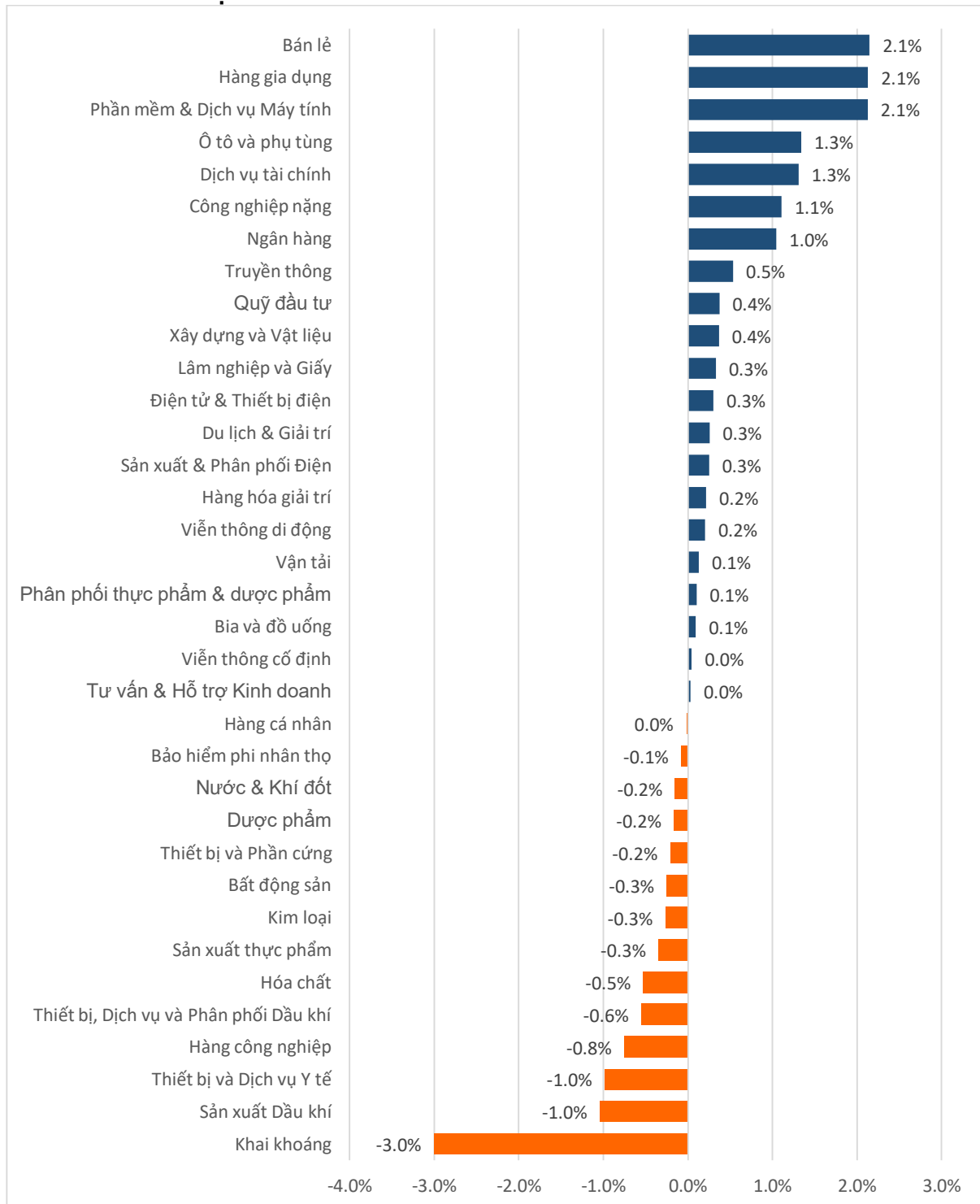
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



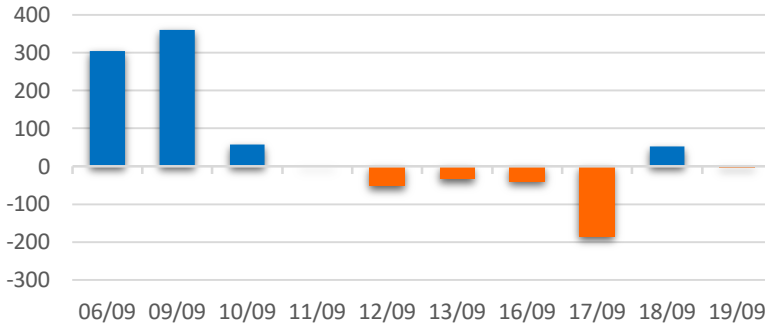
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

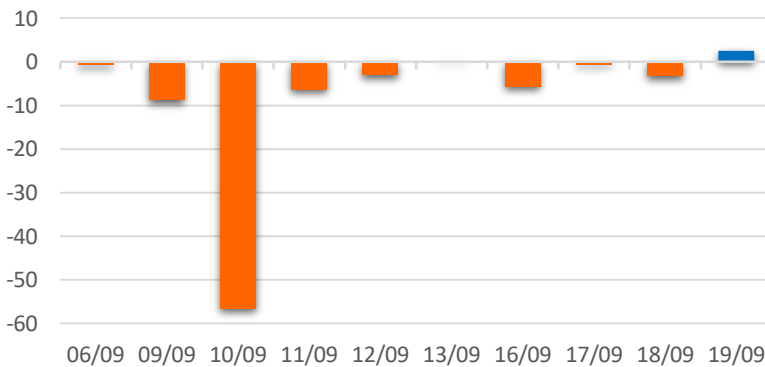
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	30,693	E1VFN30	25,088
DXG	25,688	PGD	18,579
VNM	24,681	VIC	15,087
MSN	10,722	VHM	12,307
HNG	8,134	VJC	11,909

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

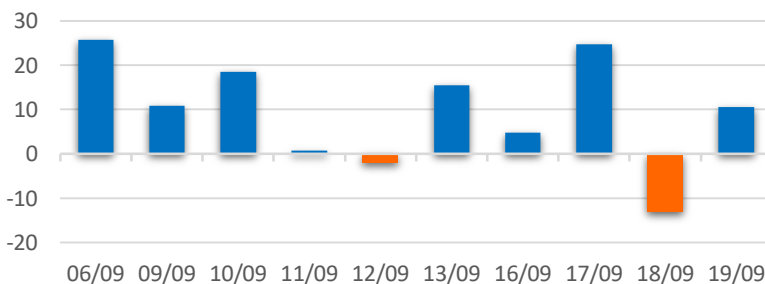
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	6,637	VCS	2,315
SHS	1,379	PVS	2,175
SLS	323	CEO	946
C69	178	PVI	601
ART	170	BVS	423

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	4,587	BSR	1,411
QNS	3,019	CTR	483
OIL	1,110	VOC	137
VTP	1,021	SKV	58
ACV	902	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



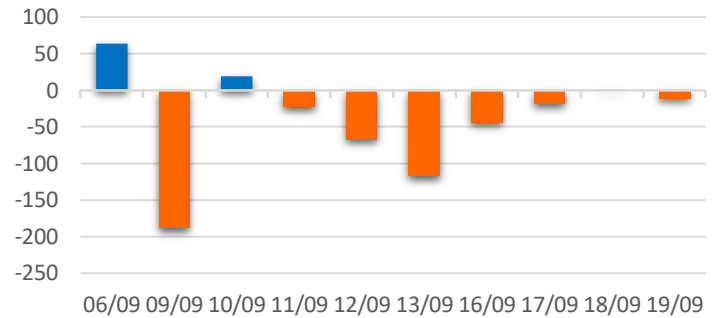
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

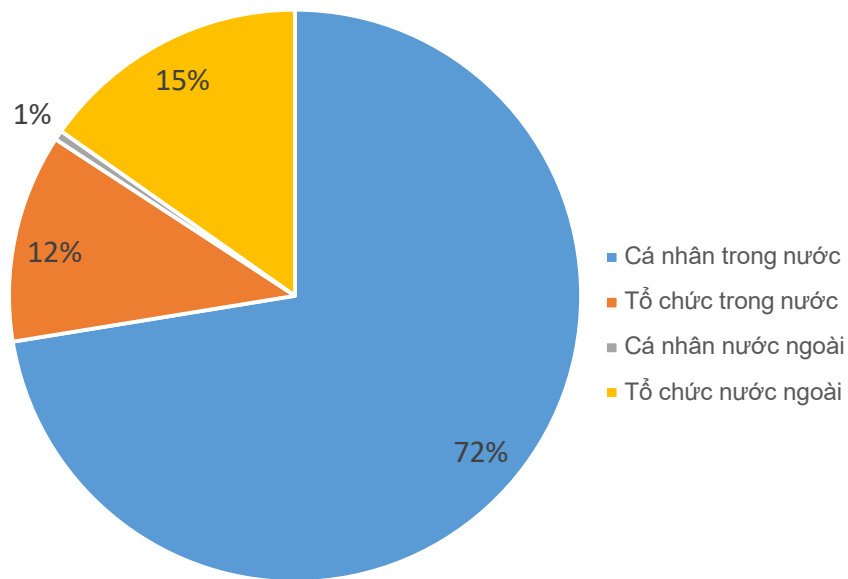
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	29,534	HPG	10,314
STB	13,243	DCM	6,725
HPG	9,726	FPT	6,227
TCB	6,159	E1VFN30	4,452
QBS	6,082	GEX	1,731

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

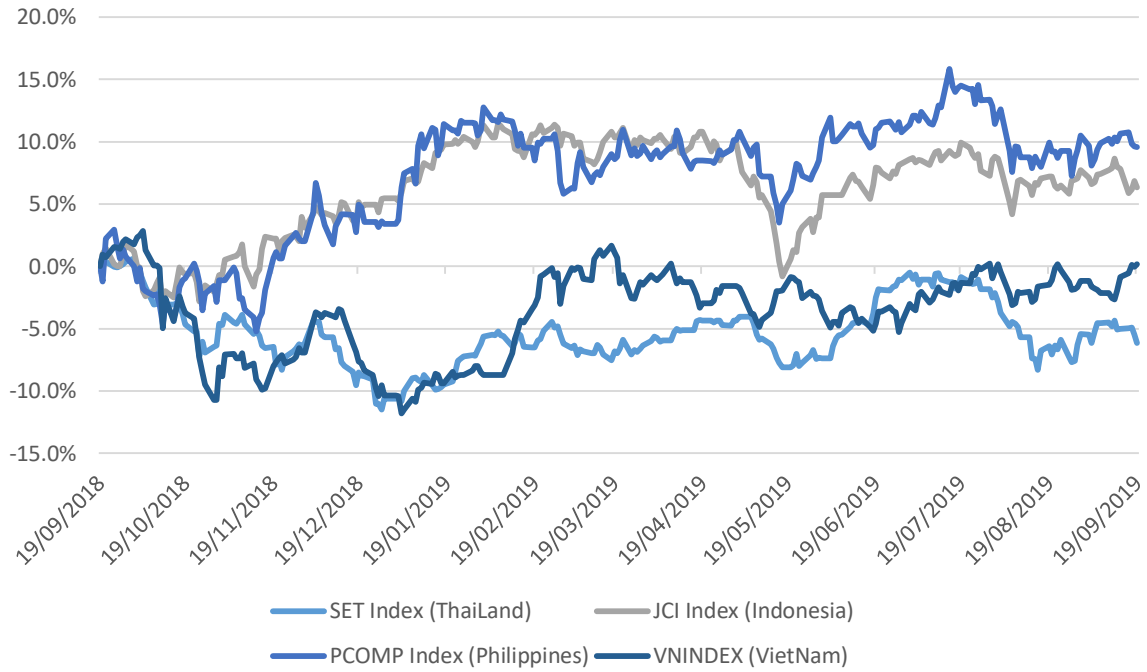


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

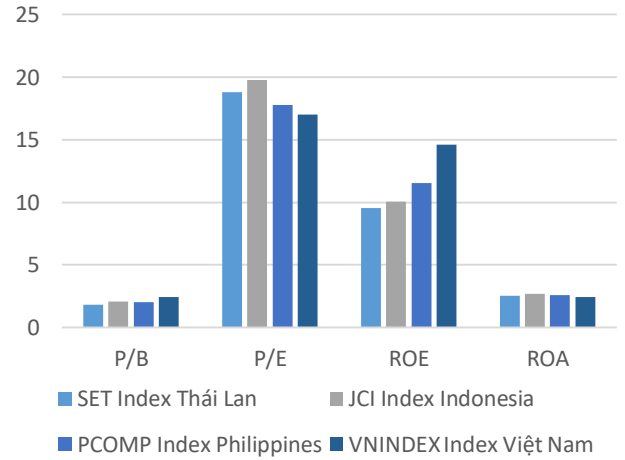
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.8x	19.8x	17.8x	17.0x
ROE	%	9.57	10.06	11.54	14.61
ROA	%	2.52	2.67	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	558.26	513.52	190.32	144.79
GTGD	Triệu USD	1.79	0.46	0.07	0.13
LS cổ tức	%	3.10	2.46	1.65	1.95

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written